

BIỆN PHÁP SO SÁNH TU TỪ TRONG THƠ HÀN MẶC TỬ

Nguyễn Thị Thanh Đức

Trường Cao đẳng Văn hóa Nghệ thuật Nghệ An

Ngày nhận bài 26/2/2020, ngày nhận đăng 15/5/2020

Tóm tắt: Hàn Mặc Tử là một gương mặt tiêu biểu của phong trào Thơ mới. Với cá tính sáng tạo độc đáo, bằng việc sử dụng biện pháp so sánh tu từ so với tần số cao, thơ ông đem đến cho độc giả những liên tưởng độc đáo và bất ngờ, tạo thành những thi ảnh mới lạ, ám gợi về những cảm xúc tinh tế, những tâm trạng bí ẩn, những tình cảm bi thương của thế giới tâm hồn con người. Nghiên cứu việc sử dụng biện pháp so sánh tu từ trong thơ Hàn Mặc Tử, chúng ta có thêm kinh nghiệm, điều kiện để tiếp cận ngôn ngữ thơ của các tác giả khác trong phong trào Thơ mới 1932-1945 nói riêng, các nhà thơ đương đại nói chung.

Từ khóa: Biện pháp so sánh; tu từ; Hàn Mặc Tử; Thơ mới.

1. Đặt vấn đề

Hàn Mặc Tử là một trong những gương mặt tiêu biểu nhất của phong trào Thơ mới trong nền thơ ca Việt Nam thế kỷ XX. Mặc dù chỉ sống một cuộc đời ngắn ngủi nhưng vượt lên tất cả, ông đã nỗ lực sáng tạo và để lại một di sản có giá trị lâu dài. Hiếm có nhà thơ nào, chỉ trong khoảng thời gian hơn mười năm (1932-1945), đã để lại nhiều thi phẩm với nhiều thể tài từ cổ điển, qua lãng mạn, đến tượng trưng, siêu thực vừa đa dạng, phong phú lại vừa tạo dấu ấn đặc sắc như Hàn Mặc Tử.

Ngôn ngữ thơ là thứ ngôn ngữ nghệ thuật hàm súc về tư tưởng, phong phú về tình thái và tinh tế về cách thức biểu hiện. Thơ Hàn Mặc Tử cũng vậy. Trong các thi phẩm của ông, chúng tôi nhận thấy phương tiện và biện pháp tu từ là một trong những cách thức thể hiện quan trọng tạo giá trị thẩm mỹ, gây ấn tượng mạnh, mang giá trị lâu dài cho thơ. Bài viết giới hạn ở một phạm vi cụ thể và đặc sắc nhất, là tìm hiểu biện pháp tu từ nói chung, biện pháp so sánh tu từ nói riêng, ngõ hầu góp phần lí giải đặc trưng ngôn ngữ thơ, dấu ấn sáng tạo và phong cách thơ của Hàn Mặc Tử.

2. Biện pháp so sánh tu từ trong thơ Hàn Mặc Tử

2.1. Nhận thức về so sánh

Các nhà triết học Liên Xô (cũ) cho rằng: *So sánh là đối chiếu các đối tượng nhằm phát hiện ra những nét giống nhau hay những nét khác nhau giữa chúng (hoặc cả hai cái cùng một lúc)*. Nhờ so sánh, người ta thấy được các thuộc tính bản chất sự vật cần phản ánh. Vì vậy, họ đánh giá: *So sánh là tiền đề quan trọng của khái quát hóa* (Viện Chính trị học Liên Xô, 1986, tr. 506). Các nhà Việt ngữ học khi đề cập về phong cách học, phân tích ngôn từ tác phẩm nghệ thuật, chỉ ra giá trị tu từ, đã lí giải khái niệm và cách thức tổ chức so sánh tu từ. So sánh tu từ còn gọi là tỉ dụ hay ví von, “là phương thức diễn đạt tu

từ khi đem sự vật này đối chiếu với sự vật khác miễn là hai sự vật có một nét tương đồng nào đó để gọi ta hình ảnh cụ thể, những cảm xúc thẩm mỹ trong nhận thức của người đọc, người nghe” (Nguyễn Thái Hòa, 2005, tr. 196), “So sánh (còn gọi là so sánh hình ảnh, so sánh tu từ) là một biện pháp tu từ ngữ nghĩa, trong đó người ta đối chiếu hai đối tượng khác loại của thực tế khách quan không đồng nhất với nhau hoàn toàn mà chỉ có một nét giống nhau nào đó, nhằm diễn tả bằng hình ảnh một lối tri giác mới mẻ về đối tượng” (Đình Trọng Lạc, 1995, tr. 154).

Một cấu trúc so sánh hoàn chỉnh gồm bốn yếu tố: (1) Đối tượng cần so sánh: tức là yếu tố bị hay được so sánh (vé bị/ được so sánh - kí hiệu là vé A); (2) Nội dung so sánh: yếu tố biểu thị thuộc tính, phương diện so sánh (cơ sở so sánh); (3) Phương tiện thể hiện so sánh: yếu tố thể hiện quan hệ so sánh (từ so sánh); và (4) Đối tượng/ vật chuẩn so sánh: chuẩn mực về tiêu chí so sánh (vé so sánh - kí hiệu là vé B). Có thể tóm tắt cấu trúc so sánh đầy đủ như sau:

Đối tượng bị/được so sánh	Yếu tố phương diện so sánh	Yếu tố quan hệ so sánh	Đối tượng chuẩn so sánh
(1)	(2)	(3)	(4)
Mặt	tươi	như	hoa

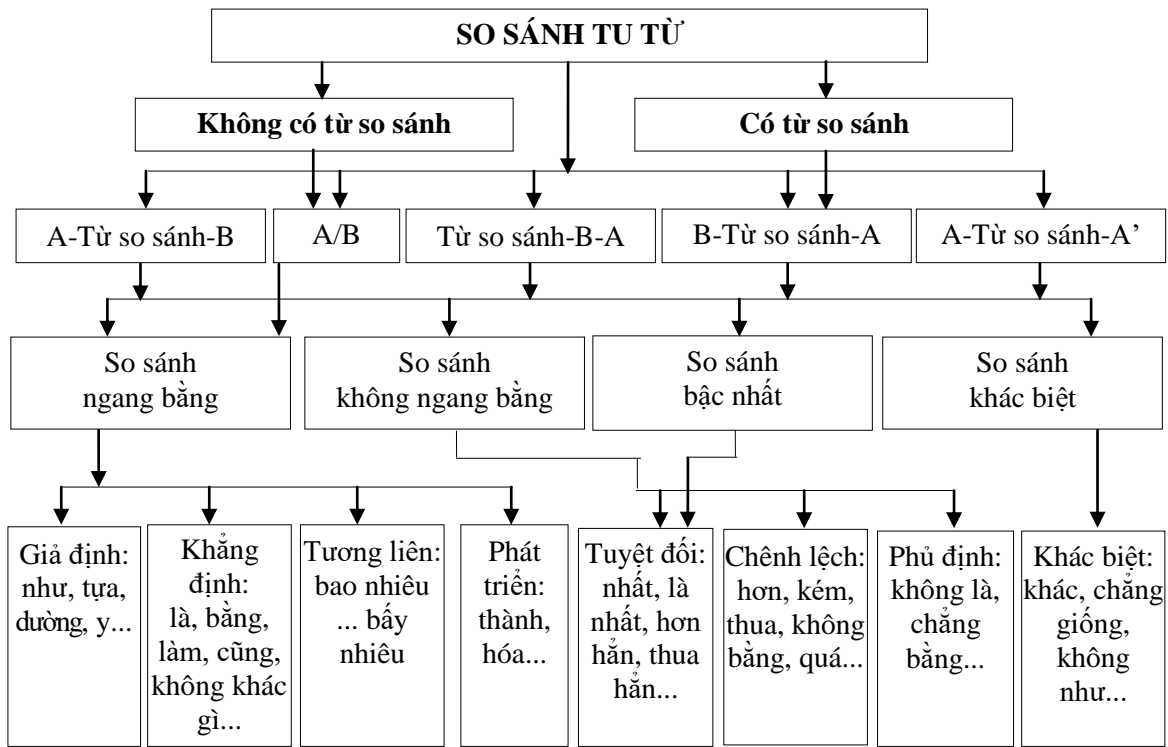
Cấu tạo của so sánh tu từ nhất thiết phải có hai vé: vé được so sánh (kí hiệu là A) và vé so sánh (kí hiệu là B, hoặc khác A). Mô hình đầy đủ của biện pháp so sánh là:

A	Cơ sở so sánh	Từ so sánh	B
---	---------------	------------	---

Tuy nhiên, trong nhiều trường hợp, mô hình này có thể bị lược bớt hoặc đảo vị trí các yếu tố tạo ra những kiểu biến thể khác nhau: A - từ so sánh - B; A/B (khuyết từ so sánh); từ so sánh - B/A; B - từ so sánh A; A - từ so sánh - A'. Đối với biến thể A/B, về mặt hình thức, từ so sánh không xuất hiện mà biểu hiện bằng ngữ điệu khi nói hoặc dấu hiệu ngắt câu bằng các phương tiện hình thức như dấu hai chấm (:), dấu phẩy (,), dấu gạch nối (-) khi viết. Theo Đào Thản, trong một số trường hợp nhằm làm nổi bật ý so sánh, làm cho ý khẳng định xuất hiện như là một điều tất yếu nên không dùng từ so sánh (Đào Thản, 1998, tr. 41). Đình Trọng Lạc gọi loại này là so sánh đối chọi (Đình Trọng Lạc, 1994, tr. 239).

Về cấp độ, so sánh tu từ có 4 cấp độ: ngang bằng, không ngang bằng, bậc nhất và khác biệt, được thể hiện bằng các dạng ý nghĩa tiêu biểu sau: so sánh mang tính giả định: dùng từ so sánh tiêu biểu: *như*; so sánh mang tính khẳng định: dùng từ so sánh tiêu biểu: *là*; so sánh biểu thị quan hệ tương liên: dùng ngữ so sánh: *bao nhiêu... bấy nhiêu*; so sánh biểu thị sự chuyển biến: dùng từ so sánh tiêu biểu: *thành/hóa*; so sánh thể hiện sự tuyệt đối: dùng từ so sánh tiêu biểu: *nhất*; so sánh thể hiện sự chênh lệch: dùng từ so sánh tiêu biểu: *hơn/kém*; so sánh mang tính phủ định: dùng từ so sánh tiêu biểu: *không là*; so sánh thể hiện sự khác biệt: dùng từ so sánh tiêu biểu: *khác*.

Có thể sơ đồ hóa mô hình cấu trúc so sánh tu từ như sau:



Về tác dụng, để giúp người đọc, người nghe dễ hiểu, dễ nắm bắt ý nghĩa chuyên tải, một sự so sánh cụ thể sẽ là một giải pháp tối ưu. So sánh tu từ tạo ra những hình ảnh cụ thể sinh động, là công cụ giúp ta nhận thức sâu sắc những phương diện nào đó của sự vật hiện tượng. So sánh tu từ là phương tiện biểu cảm, giúp cho câu văn hàm súc, gợi trí tưởng tượng, qua đó, ta thấy được thái độ yêu ghét, khen chê, khẳng định hay phủ định của người so sánh.

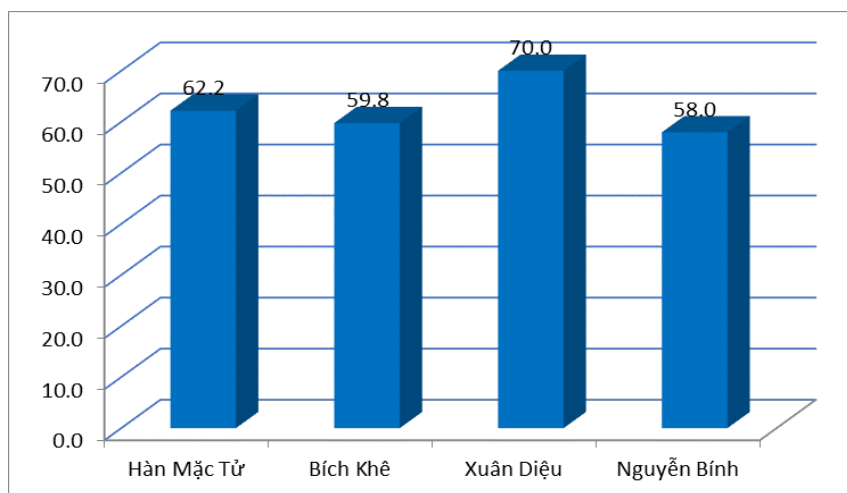
2.2. Biện pháp tu từ so sánh trong thơ Hàn Mặc Tử

2.2.1. Số liệu thống kê

Để tìm ra các đặc điểm của biện pháp so sánh tu từ trong thơ Hàn Mặc Tử (HMT), chúng tôi tiến hành thống kê, phân loại cụ thể thơ Hàn Mặc Tử trong sự đối sánh với các nhà thơ cùng thời: Xuân Diệu (XD), Nguyễn Bính (NB), Bích Khê (BK). Dưới đây là bảng tổng hợp kết quả thống kê về số lượng bài sử dụng và số lượt xuất hiện biện pháp so sánh:

Bảng 1: Biện pháp so sánh trong thơ Hàn Mặc Tử, Bích Khê, Xuân Diệu và Nguyễn Bính

Nhà thơ	Tổng số bài khảo sát	Tổng số bài sử dụng	Tổng số lần sử dụng	Tỉ lệ bài sử dụng (%)	Tần suất xuất hiện trong bài
Hàn Mặc Tử	119	74	218	62.2	1.83
Bích Khê	82	49	170	59.8	2.07
Xuân Diệu	90	63	189	70.0	2.10
Nguyễn Bính	88	51	101	58.0	1.15



Biểu đồ 1: Tỷ lệ bài sử dụng biện pháp so sánh trong thơ Hàn Mặc Tử, Bích Khê, Xuân Diệu và Nguyễn Bính

Qua bảng, biểu trên, có thể thấy tỷ lệ bài sử dụng biện pháp so sánh trong thơ Hàn Mặc Tử khá cao: có 74 trên tổng số 119 bài khảo sát sử dụng biện pháp này, chiếm 62.2%. So với Xuân Diệu thì tỷ lệ này thấp hơn, còn so với Bích Khê và Nguyễn Bính thì tỷ lệ này cao hơn 3 - 4%.

Vì số lượng câu thơ trong mỗi bài thơ ở mỗi tác giả khác nhau, biện pháp so sánh có thể sử dụng lặp lại nhiều lần trong một bài nên ở đây chúng tôi tính tần suất xuất hiện trung bình trong mỗi bài ở các nhà thơ được chọn khảo sát. Trung bình biện pháp so sánh được Hàn Mặc Tử sử dụng 1.8 lần trên một bài thơ, tần suất này thấp hơn Xuân Diệu, Bích Khê nhưng cao hơn Nguyễn Bính. Biện pháp so sánh tu từ tạo ra những hình ảnh cụ thể sinh động, là công cụ giúp ta nhận thức sâu sắc những phương diện nào đó của sự vật hiện tượng. Đồng thời, so sánh tu từ cũng là phương tiện biểu cảm, giúp cho câu văn hàm súc, gợi trí tưởng tượng, giúp ta thấy được thái độ yêu ghét, khen chê, khẳng định hay phủ định của người so sánh. Chính vì thế mà không riêng Hàn Mặc Tử, các nhà thơ khác cũng ưa dùng biện pháp tu từ này.

2.2.2. Các đặc điểm của biện pháp so sánh

Các đặc điểm của biện pháp so sánh trong thơ Hàn Mặc Tử được chúng tôi xem xét ở 4 phương diện: (a) Đặc điểm của cấu trúc so sánh; (b) Đặc điểm của từ so sánh; (c) Đặc điểm của yếu tố bị/ được so sánh (yếu tố A); và (d) Đặc điểm của yếu tố so sánh/ hình ảnh so sánh (yếu tố B).

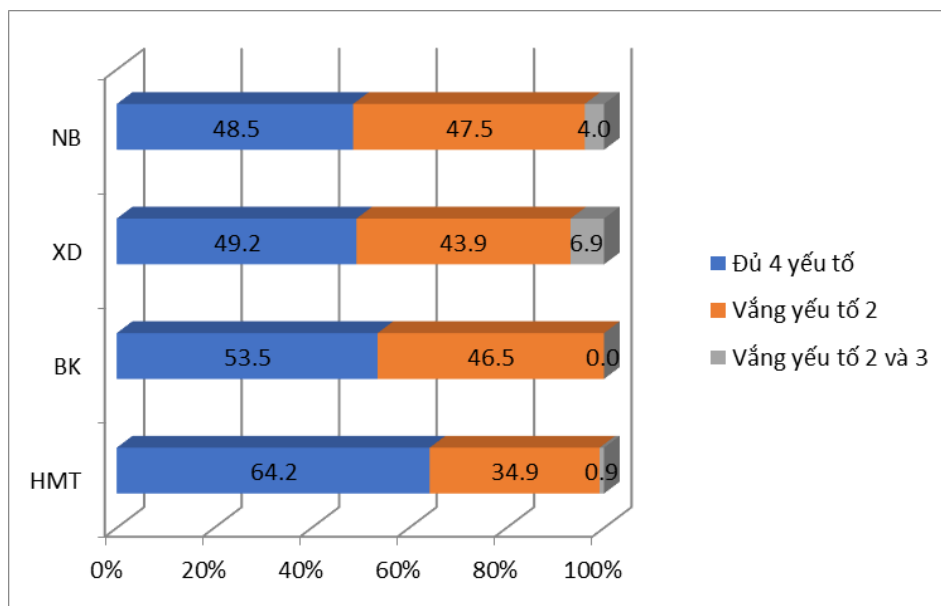
a. Đặc điểm của cấu trúc so sánh

Trong các sáng tác của mình, Hàn Mặc Tử sử dụng 3 kiểu loại cấu trúc: (i) đủ 4 yếu tố, (ii) vắng yếu tố 2, và (iii) vắng yếu tố 2 và 3. Nhà thơ thường sử dụng nhất là cấu trúc so sánh đầy đủ. Xét trên tổng số lần sử dụng biện pháp so sánh, loại cấu trúc đầy đủ (bao gồm 4 yếu tố) trong thơ Hàn Mặc Tử chiếm 64.2%; tiếp đến là cấu trúc vắng yếu tố 2 (tức không xuất hiện *cơ sở so sánh*); chiếm tỷ lệ ít nhất là loại vắng yếu tố 2 và 3 (tức vắng *cơ sở so sánh* và *từ so sánh*).

Bảng 2: Cấu trúc so sánh
 trong thơ Hàn Mặc Tử, Bích Khê, Xuân Diệu và Nguyễn Bính

Các kiểu loại cấu trúc	HMT		BK		XD		NB	
	Số lượng	Tỉ lệ (%)	Số lượng	Tỉ lệ (%)	Số lượng	Tỉ lệ (%)	Số lượng	Tỉ lệ (%)
Đủ 4 yếu tố	140	64.2	91	53.5	93	49.2	49	48.5
Vắng yếu tố 2	76	34.9	79	46.5	83	43.9	48	47.5
Vắng yếu tố 2 và 3	2	0.9	0	0.0	13	6.9	4	4.0
TỔNG	218	100	170	100	189	100	101	100

So với Bích Khê, Xuân Diệu và Nguyễn Bính, thơ Hàn Mặc Tử có tỉ lệ sử dụng cấu trúc đầy đủ cao vượt trội. Ở Bích Khê, tỉ lệ cấu trúc này chiếm trên 50%, còn ở Xuân Diệu và Nguyễn Bính thì tỉ lệ này chỉ chiếm gần 50%. Có thể quan sát trực quan qua biểu đồ dưới đây:



Biểu đồ 2: Cấu trúc so sánh
 trong thơ Hàn Mặc Tử, Bích Khê, Xuân Diệu và Nguyễn Bính

b. Đặc điểm của từ so sánh

Kết quả khảo sát việc sử dụng các từ so sánh ở bốn nhà thơ Hàn Mặc Tử, Bích Khê, Xuân Diệu và Nguyễn Bính cho thấy: Các nhà thơ chủ yếu sử dụng so sánh ngang bằng với ý nghĩa giả định. Ngoài những từ mang tính phổ biến cao trong khi sử dụng biện pháp so sánh, như: *như, là, tựa, hơn, nhất,...* các nhà thơ còn sử dụng các từ so sánh ít phổ biến khác. Độ phong phú và mức độ sử dụng từ so sánh ở mỗi nhà thơ không giống nhau.

Bảng 3: Cấu trúc loại so sánh tu từ trong thơ Hàn Mặc Tử, Bích Khê, Xuân Diệu và Nguyễn Bính

Loại so sánh	HMT	BK	XD	NB
So sánh ngang bằng	<i>như, bằng, chừng như, giống, cũng giống, cũng như, dường, in như, là, như là, ngỡ, như là, như thể, tợ, tựa, tựa hồ như, tưởng chừng như</i>	<i>là, như, thành, tợ, tựa</i>	<i>như, là, thành, tựa, bằng, cũng là, cũng tựa, dường như, tưởng</i>	<i>như, là, như thể</i>
So sánh không ngang bằng	<i>cũng chưa bằng, hơn</i>		<i>hơn</i>	<i>hơn</i>
So sánh bậc nhất	<i>hơn hết</i>			
So sánh khác biệt	<i>khác chi, không khác, không như</i>			<i>có khác gì</i>

Trong cấu trúc so sánh, Hàn Mặc Tử sử dụng rất đa dạng các từ so sánh, đặc biệt là ở cấp độ so sánh ngang bằng: có từ có sánh dùng trong cấu trúc mang ý nghĩa giả định: *như, tựa, tợ, dường, như thể, tựa hồ như...*; có từ so sánh dùng trong cấu trúc mang ý nghĩa khẳng định: *là, bằng, cũng, cũng như, in như...*; có từ so sánh dùng trong cấu trúc mang ý nghĩa chênh lệch: *cũng chưa bằng, hơn*; có từ so sánh dùng trong cấu trúc mang ý nghĩa tuyệt đối: *hơn hết*; có từ so sánh dùng trong cấu trúc chỉ sự khác biệt: *khác chi, không khác, không như*.

Xét về độ phong phú, đa dạng trong việc sử dụng từ so sánh thì Hàn Mặc Tử hơn hẳn ba nhà thơ còn lại. Ngay cả Xuân Diệu, nhà thơ có số lượng bài và tần suất sử dụng biện pháp so sánh cao cũng không xuất hiện nhiều từ so sánh khác nhau đến vậy. Trong cấu trúc so sánh, Bích Khê và Nguyễn Bính đều không cầu kỳ, trau chuốt trong việc lựa chọn nhiều kiểu dạng từ so sánh khác nhau để diễn đạt, vì thế vốn từ so sánh của các nhà thơ này đều rất “khiêm tốn”.

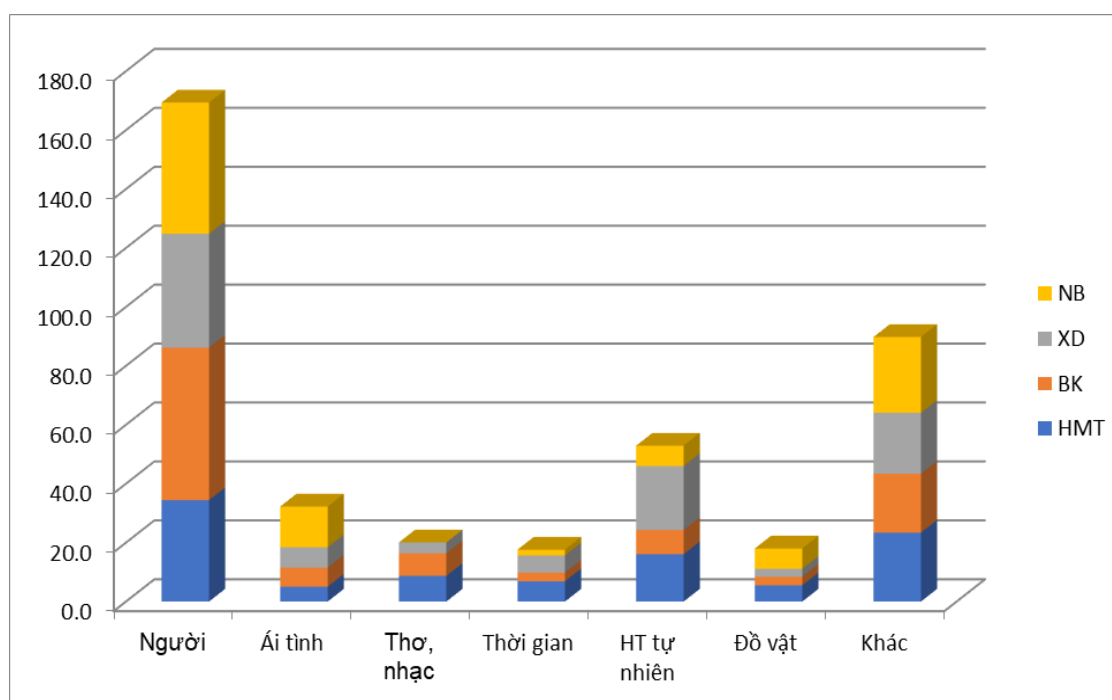
c. Đặc điểm của yếu tố bị/ được so sánh (yếu tố A)

Về bị/ được so sánh nêu ra các đối tượng dùng để so sánh với một đối tượng so sánh được nêu ra ở vế so sánh. Trong thơ Hàn Mặc Tử, đối tượng bị/ được so sánh rất đa dạng, song có thể quy thành 7 nhóm: yếu tố chỉ *người* bao gồm cả các bộ phận cơ thể (*tôi, ta, nàng, anh, em, mắt, môi, tay, lòng,...*); yếu tố chỉ *ái tính/ tình yêu* (*tình yêu, tình ái, yêu, hôn, nhớ,...*); yếu tố chỉ *thơ, nhạc* (*tiếng ca, nhạc vàng, âm nhạc, thơ,...*); yếu tố chỉ *thời gian* (*đêm hôm ấy, mùa xuân, đông,...*); yếu tố chỉ *hiện tượng tự nhiên* (*nắng, gió, mưa, trăng, sao, biển, sóng,...*); yếu tố chỉ *đồ vật* (*bút, xiêm áo, lược,...*); và nhóm các yếu tố lẻ tẻ khác mà chúng tôi gộp chung thành nhóm *Khác* (yếu tố chỉ thực vật; yếu tố chỉ tính chất, cảm xúc; yếu tố trừu tượng;...).

Lấy các nhóm đối tượng bị/ được so sánh trong thơ Hàn Mặc Tử làm trục chính, chúng tôi đi vào khảo sát các nhóm này trong thơ Bích Khê, Xuân Diệu và Nguyễn Bính. Kết quả thu được như sau:

Bảng 4: Các đối tượng bị/ được so sánh trong thơ Hàn Mặc Tử, Bích Khê, Xuân Diệu và Nguyễn Bính

Yếu tố A	HMT		BK		XD		NB	
	Số lượng	Tỉ lệ (%)	Số lượng	Tỉ lệ (%)	Số lượng	Tỉ lệ (%)	Số lượng	Tỉ lệ (%)
Người	75	34.4	88	51.8	73	38.6	45	44.6
Ái tình	11	5.0	11	6.5	13	6.9	14	13.9
Thơ, nhạc	19	8.7	13	7.6	7	3.7	0	0.0
Thời gian	15	6.9	5	2.9	11	5.8	2	2.0
Hiện tượng tự nhiên	35	16.1	14	8.2	41	21.7	7	6.9
Đồ vật	12	5.5	5	2.9	5	2.6	7	6.9
Khác	51	23.4	34	20.0	39	20.6	26	25.7
TỔNG	218	100	170	100	189	100	101	100



Biểu đồ 3: Các đối tượng bị/ được so sánh trong thơ Hàn Mặc Tử, Bích Khê, Xuân Diệu và Nguyễn Bính

Từ kết quả khảo sát các đối tượng bị/ được so sánh trong thơ Hàn Mặc Tử trong tương quan so sánh với các nhà thơ khác: Bích Khê, Xuân Diệu và Nguyễn Bính, chúng tôi rút ra một vài nhận xét:

Thứ nhất, nhóm các đối tượng chỉ *Người* ở Hàn Mặc Tử chiếm tỉ lệ cao nhất (34.4%) so với 6 nhóm đối tượng còn lại. Ở Bích Khê, Xuân Diệu, Nguyễn Bính cũng diễn ra tình hình tương tự. Như vậy có thể thấy rằng các nhà Thơ mới đều lấy con người làm trung tâm, là nguồn cảm hứng để diễn tả các cung bậc cảm xúc khác nhau của mình

trong thơ. So sánh với các nhà thơ khác thì tỉ lệ đối tượng bị/ được so sánh trong thơ Hàn Mặc Tử thấp hơn.

Thứ hai, ở các nhóm đối tượng còn lại, trừ nhóm đối tượng chỉ *Ái tình*, các nhóm *Thơ, nhạc*; nhóm *Thời gian* trong thơ Hàn Mặc Tử đều chiếm tỉ lệ cao hơn các nhà thơ khác; tỉ lệ sử dụng nhóm *Hiện tượng tự nhiên* chỉ thấp hơn Xuân Diệu, tỉ lệ nhóm *Đồ vật* chỉ kém Nguyễn Bính. Đối với Hàn Mặc Tử, *tình yêu* cũng là thứ mà nhà thơ khát khao nhưng rốt cuộc chỉ toàn đem lại buồn đau. Hàn Mặc Tử bầu bạn với *thơ, nhạc* - đó là phương tiện, là người bạn tri kỷ để nhà thơ giải bày cho vui tâm sự, nỗi niềm. *Thời gian* cũng là nỗi ám ảnh trở đi trở lại trong tâm trí nhà thơ, vì thế mà nó thể hiện ra qua ngòi bút một cách hết sức tự nhiên, không cố ép, không cầu kỳ chọn lựa... Có lẽ vậy mà nhóm đối tượng chỉ *Thơ, nhạc* và nhóm đối tượng chỉ *Thời gian* trong thơ Hàn Mặc Tử lại chiếm vị trí ưu tiên như thế.

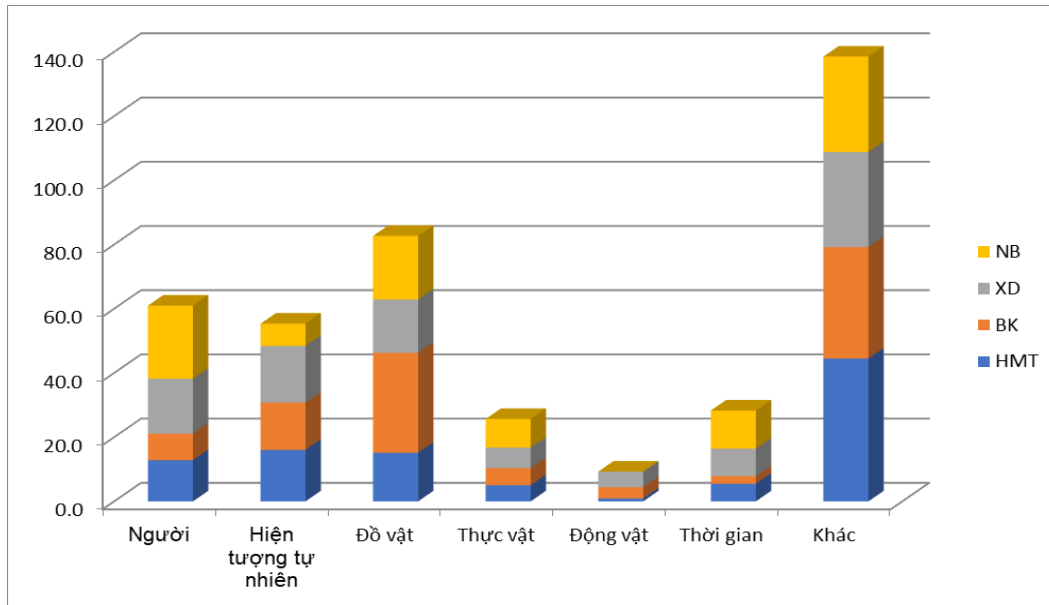
Thứ ba, ngoài các nhóm trên, thơ Hàn Mặc Tử cũng sử dụng đa dạng các đối tượng bị/ được so sánh khác: *im lặng, vườn tiên, vườn ai, lời nguyện, tiệc mến, mơ ước, trái cây, mùi cỏ lạ, lá xuân, mùi xiêm, nghĩa lý, đức tin, danh chàng, thỉnh không, hư thực, khói, hoài niệm, ngoài vũ trụ, bước đường thi sĩ*... Các từ này chiếm một tỉ lệ khá cao trong cấu trúc so sánh, chiếm tỉ lệ 23.4%; chỉ thấp hơn Nguyễn Bính (25.7%).

d. Đặc điểm của yếu tố so sánh/ hình ảnh so sánh (yếu tố B)

Tiếp theo, chúng tôi đi vào tìm hiểu đặc điểm của các đối tượng được chọn làm hình ảnh so sánh trong thơ Hàn Mặc Tử, và cũng đặt trong sự đối sánh với các nhà thơ khác. Căn cứ vào tính phổ biến, lặp đi lặp lại của các từ ngữ được lấy làm đối tượng so sánh trong thơ Hàn Mặc Tử, có thể chia thành 7 nhóm, tuy nhiên các nhóm này không hoàn toàn trùng khít với các nhóm đối tượng bị/ được so sánh. Chẳng hạn, các đối tượng so sánh không có nhóm *Ái tình; Thơ, nhạc* như nhóm đối tượng bị/ được so sánh; nhưng lại có nhóm *Động vật* và *Thực vật*. Tỉ lệ các đối tượng so sánh trong tổng số bài thơ khảo sát ở bốn nhà thơ được tổng hợp trong bảng dưới đây:

Bảng 5: Các đối tượng so sánh
trong thơ Hàn Mặc Tử, Bích Khê, Xuân Diệu và Nguyễn Bính

Yếu tố B	HMT		BK		XD		NB	
	Số lượng	Tỉ lệ (%)	Số lượng	Tỉ lệ (%)	Số lượng	Tỉ lệ (%)	Số lượng	Tỉ lệ (%)
Người	28	12.8	14	8.2	32	17.1	23	22.8
Đồ vật	33	15.1	53	31.2	31	16.6	20	19.8
Thực vật	11	5.0	9	5.3	12	6.4	9	8.9
Động vật	2	0.9	6	3.5	9	4.8	0	0.0
Thời gian	12	5.5	4	2.4	16	8.6	12	11.9
Hiện tượng tự nhiên	35	16.1	25	14.7	33	17.6	7	6.9
Khác	97	44.5	59	34.7	54	29.6	30	29.7
TỔNG	218	100	170	100	189	100	101	100



Biểu đồ 4: Các đối tượng so sánh trong thơ Hàn Mặc Tử, Bích Khê, Xuân Diệu và Nguyễn Bính

Qua bảng và biểu trên có thể thấy đối tượng so sánh trong thơ Hàn Mặc Tử rất đa dạng, vì thế số lượng đối tượng được liệt kê trong nhóm *Khác* chiếm tỉ lệ cao (44.5%). Nhóm này, bao gồm các từ ngữ chỉ tính chất, chỉ hoạt động, chỉ dáng siêu hình, chốn hư ảo, thực thể trừu tượng, chẳng hạn như: *đê mê, mai mĩ, ngậy đại, si, đại, điên, say, sôi, reo, khoái cảm, chất rượu, linh hồn đang mộng, cõi lòng, Thương Đế, ma, tuồng, âm thanh, lời yêu, màu vĩnh viễn, ...* Chiếm tỉ lệ cao thứ hai là nhóm từ chỉ *Hiện tượng thiên nhiên* (16.1%), như: *trăng, trời, mây, nguyệt, sấm, sao sa, bóng nắng, ...* Tiếp đến là nhóm từ chỉ *Đồ vật* (15.1%) và *Người* (12.8%); các nhóm còn lại chiếm tỉ lệ thấp hơn.

Khác với Hàn Mặc Tử, một số nhà thơ thường tập trung vào một vài nhóm đối tượng để lấy làm hình ảnh so sánh: Bích Khê ưa so sánh với *Đồ vật* (như: *ngọc, châu, châu báu, đàn, thanh gươm, lưỡi kiếm, đỉnh hương, ...*), Xuân Diệu thiên về *Hiện tượng, sự vật tự nhiên* (như: *suối mát, mặt hồ nước, trăng đẹp bình yên, sao rỉ rả, nguồn sương, ngọn nước trôi xuôi, bông tuyết, biển xanh, bờ cát trắng, cơn mưa, sa mạc, ...*); còn Nguyễn Bính thì chủ yếu so sánh với từ ngữ chỉ *Người* (như: *em, môi em, lòng em, người xưa, người chưa biết yêu, kẻ hàng thần, lũ tàn quân, kẻ sa lây, Chúa Chỏm, tên lính ở biên cương, ...*).

Thơ Hàn Mặc Tử *lạ*, chứ không *quen* như Nguyễn Bính, không *mới* như Xuân Diệu, và cũng khác với cái *dị thường* của Bích Khê. Trong cấu trúc so sánh của Nguyễn Bính, ta bắt gặp nhiều hình ảnh và lối so sánh quen thuộc, dân dã, ví dụ: *Đôi dây như thể đôi đường* (Một con sông lạnh), *Tình nghĩa đối thay như cơm bữa* (Xóm Ngự Viên), *Cầu mong cho chị vui như Tết* (Xuân tha hương), *Nhà ta chữ quý hơn vàng* (Con nhà nho cũ), *Đường rừng sỏi đỏ như son* (Giữa đường), *Đêm dài như thừa trống canh* (Lòng kỹ nữ), ... Ở Xuân Diệu, các hình ảnh so sánh thường gắn với thiên nhiên êm dịu, trong sáng, như: *Lá liễu dài như một nét mi* (Nhị hồ), *Cuộc đời điều hiu như dặm khách* (Chỉ ở lòng ta), *Thờ thần cây đa trên bến cũ/ Đêm đêm như nhớ chị dò xưa* (Buổi chiều), *Lá như con mắt cụm mây nhìn/ Trái tựa hình tim, chim hót xin* (Lưu học sinh), ... Bích Khê thì rất

hay sử dụng các hình ảnh *châu, châu báu, ngọc, đàn* làm đối tượng so sánh: *Đâu đôi mắt mùa thu xanh tựa ngọc?* (Mộng cầm ca), *Múi trắng sao như ngọc!* (Quả măng cụt), *Cười thơm như ngọc đội hương* (Sầu lãng tử), *Ôi! Cặp mắt của người xanh tựa ngọc* (Cặp mắt), *Ở trong cặp mắt như châu ấy, Em đã là châu lệ cũng châu, Giờ đôi mắt hiện xanh như ngọc, Tôi chết rồi!* *Tiếng nói như châu, Cho em thờ phụng như châu báu* (Châu III); *Đáy tân hôn ngào ngạt vị như đàn, Trên tay tôi, em ái tựa đàn tơ?* (Trái tim), *Miệng như đàn nói ra thành điệu* (Một cõi trời), ... Còn Hàn Mặc Tử đem đến những lối liên tưởng rất lạ và bất ngờ: *(Trăng) thơm như tình ái của ni cô* (Huyền ảo), *(Xuân trên má nương thơ) Ngon như tình mới cắn* (Cao hứng), *Tiết trinh còn, em phúc hậu hơn thơ* (Dấu tích), *Người thơ phong vận như thơ ấy* (Xuân đầu tiên), *Nở một nọt giàu sang hơn Thượng Đế* (Đêm xuân cầu nguyện), *(Án tình) mong manh như lời nhớ thương, Thinh không tan như bào ảnh hư vô* (Sao, vàng sao/ Đừng cho lòng bay xa), *Người trai tơ thùy mị như tình duyên, Mùi thơm anh nồng hơn chất rượu nóng* (Duyên kỳ ngộ), *Người tôi rung động như âm thanh* (Tiêu sầu), ... Hàn Mặc Tử còn thường sử dụng cấu trúc so sánh *vật dòng*, nghĩa là về bị/ được so sánh nằm ở dòng trước, còn về so sánh nằm ở dòng tiếp theo, và một yếu tố A được so sánh với liên tiếp các yếu tố B khác nhau, như: *Maria! Linh hồn tôi ớn lạnh!/ Run như run thần tử thấy long nhan/ Run như run hơi thở chạm tơ vàng, Thơ cầu nguyện là thơ quân tử ý/ Là Nguồn Trăng yêu mến nữ Đồng Trinh/ Là Nguồn Đau châu lụy Nữ Đồng Trinh* (Ave Maria); ta còn bắt gặp cả hiện tượng đảo trật tự các yếu tố hay đảo về trong cấu trúc so sánh thông thường tạo các biến thể câu trúc lạ, chẳng hạn: *Thơ anh sẽ như trầm hương ngào ngạt* (Duyên kỳ ngộ), *Trời tuy xa lòng thiếu nữ xa hơn* (Dấu tích), *Ta có như ai thềm phủ quý* (Một đêm nói chuyện với gái quê), ...

Trên đây, chúng tôi đã đi từ khảo sát biện pháp tu từ so sánh trong thơ Hàn Mặc Tử. Nhà thơ thường sử dụng cấu trúc so sánh gồm đầy đủ 4 yếu tố; sử dụng từ so sánh đa dạng; yếu tố bị/ được so sánh thường thuộc nhóm đối tượng chỉ thời gian, thơ và nhạc; còn yếu tố so sánh thì rất phong phú, thuộc nhiều đối tượng khác nhau. Trong thơ Hàn Mặc Tử, ta thấy có sự khác biệt bất ngờ giữa yếu tố bị/ được so sánh với yếu tố so sánh, điều này tạo nên cái phi lí tính của cấu trúc so sánh tu từ. Chính nhờ đó mà hiệu quả diễn đạt, hiệu quả thẩm mỹ được nảy sinh. Một so sánh tu từ “đúng chuẩn” phải thỏa mãn hai điều kiện: (i) Các đối tượng được đưa ra so sánh là khác loại; (ii) Nêu ra đúng nét giống nhau giữa hai đối tượng. Tài nghệ của Hàn Mặc Tử chính là ở chỗ phát hiện chính xác những nét tương đồng bất ngờ giữa hai đối tượng khác loại, điều mà người khác không để ý hoặc không nhận thấy để đưa vào cấu trúc so sánh. Những đặc điểm sử dụng biện pháp so sánh nói trên đã làm nên nét đặc trưng trong phong cách Hàn Mặc Tử.

3. Kết luận

Mỗi tác giả có một cách thể hiện thế giới của riêng mình. Việc sử dụng biện pháp tu từ trong tác phẩm nghệ thuật luôn mang lại những cách diễn đạt mới mẻ, nhằm phát huy tối đa hiệu quả thẩm mỹ, góp phần thể hiện phong cách ngôn ngữ tác giả. Với Hàn Mặc Tử, từ tư liệu thống kê ngôn ngữ học biện pháp tu từ so sánh trong thơ Hàn Mặc Tử, một mặt được miêu tả định lượng một cách hệ thống, mặt khác, được đối sánh với các tác giả cùng thời nhằm làm nổi bật một bình diện phong cách ngôn ngữ tác giả Hàn Mặc Tử.

Với biện pháp so sánh, xét về cấu trúc, Hàn Mặc Tử chủ yếu sử dụng ba kiểu cấu trúc so sánh: kiểu đủ bốn yếu tố, kiểu vắng yếu tố cơ sở so sánh và kiểu vắng cả cơ sở so

sánh và từ so sánh; trong đó, sử dụng nhiều nhất kiểu đủ bốn yếu tố. Mặc dù đó cũng là biện pháp được sử dụng tương đối phổ biến, có thể bắt gặp ở tác phẩm của nhiều cây bút khác cùng thời, tuy nhiên, qua khảo sát, chúng tôi thấy, đây là một biện pháp tu từ mang dấu ấn cá tính sáng tạo rất riêng của Hàn Mặc Tử. Biện pháp so sánh của Hàn Mặc Tử đem lại những liên tưởng mới lạ, độc đáo. Các kiểu so sánh trong thơ Hàn Mặc Tử cho thấy tác giả đã phát hiện chính xác đến bất ngờ những nét tương đồng giữa các đối tượng không đồng loại mà những nhà thơ khác không nhìn thấy, tạo thành những thi ảnh mới lạ, ám gợi người đọc bởi những liên tưởng vừa chính xác, vừa mơ hồ; đồng thời đem đến cho ngôn ngữ thơ một khả năng vô tận trong việc chuyển tải những cảm xúc tinh tế, những tâm trạng bí ẩn, những tình cảm bi thương của thế giới tâm hồn con người.

Việc miêu tả, phân tích các biện pháp tu từ so sánh trong thơ Hàn Mặc Tử, làm rõ cách thức tổ chức, sử dụng ngôn từ đặc sắc, tinh tế giàu tính thẩm mỹ và khơi gợi của thơ ông, qua đó, góp phần vào việc phân tích đọc hiểu thi phẩm Hàn Mặc Tử trong nhà trường. Hơn thế, nghiên cứu phong cách ngôn ngữ thơ Hàn Mặc Tử thông qua việc sử dụng biện pháp tu từ so sánh, chúng ta có thêm kinh nghiệm, điều kiện để tiếp cận ngôn ngữ thơ của các tác giả khác trong phong trào Thơ mới 1932-1945 nói riêng, các nhà thơ đương đại nói chung.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Phan Cự Đệ (1997). *Hàn Mặc Tử - Tác phẩm phê bình và tưởng niệm*. NXB Giáo dục.
- Nguyễn Thái Hòa (2005). *Từ điển tu từ - Phong cách - Thi pháp học*. NXB Giáo dục.
- Đình Trọng Lạc (1994). *Phong cách học văn bản*. NXB Giáo dục.
- Đình Trọng Lạc (1995). *99 phương tiện và biện pháp tu từ tiếng Việt*. NXB Giáo dục.
- Đặng Lưu (2009). Vấn đề nghiên cứu phong cách ngôn ngữ tác giả. Sách *Một số vấn đề văn học và ngôn ngữ trong nhà trường*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, tr. 273-281.
- Đào Thân (1998). *Từ ngôn ngữ chung đến ngôn ngữ nghệ thuật*. In lần thứ hai (có sửa chữa, bổ sung). NXB Khoa học xã hội.
- Viện Ngôn ngữ học (2002). *Từ điển tiếng Việt*. NXB Đà Nẵng - Trung tâm Từ điển học.
- Viện Chính trị học Liên Xô (1986). *Từ điển Triết học*. NXB Tiến bộ Mátxcova.

SUMMARY

RHETORICAL COMPARISON METHOD IN HAN MAC TU'S POEMS

Han Mac Tu is one of the typical authors in the New Poetry Movement in Vietnam in the 20th Century. With a uniquely creative personality, by using the rhetorical comparison method with high frequency, he has brought to readers unique and surprising imagination, which has created new poetic images and excited fine feelings, mysterious moods, and sorrowful sentiments in human souls. Through the study of the rhetorical comparison method in poems of Han Mac Tu, we have more experience and conditions to reach the poetic language of other authors in the 1932-1945 New Poetry Movement in particular and that of contemporary authors in general.

Keywords: Comparison method; rhetorical; Han Mac Tu; New Poetry.